

Đã cập nhật lần 2

DANH MỤC
KỸ THUẬT VÀ PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế
Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa
MỤC LỤC

TT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật	Trang
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	304	
II	Nội khoa	431	
III	Nhi khoa	4.170	
IV	Lao (ngoại lao)	41	
V	Da liễu	89	
VI	Tâm thần	83	
VII	Nội tiết	245	
VIII	Y học cổ truyền	482	
IX	Gây mê hồi sức	4.777	
X	Ngoại khoa	1.113	
XI	Bỏng	131	
XII	Ung bướu	401	
XIII	Phụ sản	241	
XIV	Mắt	287	
XV	Tai mũi họng	357	
XVI	Răng hàm mặt	347	
XVII	Phục hồi chức năng	156	
XVIII	Điện quang	675	
XIX	Y học hạt nhân	390	
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	106	
XXI	Thăm dò chức năng	127	
XXII	Huyết học - truyền máu	564	
XXIII	Hóa sinh	223	
XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	336	
XXV	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học	90	
XXVI	Vi phẫu	58	
XXVII	Phẫu thuật nội soi	498	
XXVIII	Tạo hình- Thẩm mỹ	494	
	Tổng cộng	17.216	

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. TUẦN HOÀN				
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	X
7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x	
10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	x	x	x	
15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	X
32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x	
39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	X
	B. HÔ HẤP				
52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	X
53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	X
54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	X
55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x	
56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	X
58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	X
59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	X

60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	X
61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	X
62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	X
63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	x	x	x	
64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	X
65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	X
66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
72	Mở khí quản qua màng nhĩ gấp	x	x	x	
73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngay thở	x	x	x	
75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	X
85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	X
87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	X
91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ gấp	x	x	x	
93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x	
94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
95	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x	
96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x	
97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	x	x	x	
130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức	x	x	x	

	CPAP ≤ 8 giờ				
131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	x	x	x	
157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	X
158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	X
159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
	C. THẬN - LỢC MÁU				
160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	X
161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
164	Thông bàng quang	x	x	x	X
165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
170	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
	D. THẦN KINH				
201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
202	Chọc dịch tủy sống	x	x	x	
211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	X
213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
	Đ. TIÊU HOÁ				

215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	X
216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	X
218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	X
219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	X
221	Thụt tháo	x	x	x	X
222	Thụt giữ	x	x	x	X
223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	X
224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	X
225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	X
226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x	
228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	X
229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	X
230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x	
	E. TOÀN THÂN				
245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	X
249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
251	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	X
252	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	X
253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	X
254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	X
255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	

260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	X
262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	X
263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	X
264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	X
265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	X
266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	X
267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	x	x	x	X
270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	X
271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x	
272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu	x	x	x	
274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
275	Băng bó vết thương	x	x	x	X
276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	X
277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	X
278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	X
279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	
	G. XÉT NGHIỆM				
281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	X
282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	X
285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	X
290	Xét nghiệm côn trong hơi thở	x	x		
	H. THĂM DÒ KHÁC				
303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	

II. NỘI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT
----	-------------------	---------------------

1	2	3			
		A	B	C	D
	A. HÔ HẤP				
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	X
4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	X
7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	X
10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	X
11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	X
25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x	x	
26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	x	x	x	
28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	X
29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	X
30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	X
32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	X
33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	X
68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	X
	B. TIM MẠCH				
75	Chọc dò màng ngoài tim	x	x	x	
85	Điện tim thường	x	x	x	X
97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x	x	x	

	C. THẦN KINH				
128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	X
129	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x	
149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	X
151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
	D. THẬN TIẾT NIỆU				
167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x	
168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x	
172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x	
173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x		
228	Rút sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận	x	x		
231	Rút catheter đường hầm	x	x		
232	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
233	Rửa bàng quang	x	x	x	
	Đ. TIÊU HÓA				
241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	X
242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x	
243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x	
244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	X
247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	X
253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	x	x	x	
254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x	x	x	
255	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	x	x	x	
268	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa	x	x	x	

272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	x	x	x	
313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	X
314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	X
317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	x	x	x	
336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	X
337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	X
338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	X
339	Thụt tháo phân	x	x	x	X
	E. CỐ XƯƠNG KHỚP				
348	Đo độ nhớt dịch khớp	x	x	x	
349	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	
373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
	A. TUẦN HOÀN				
27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	x	x		
28	Đặt catheter tĩnh mạch	x	x	x	
29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
30	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
34	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh	x	x	x	
35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
43	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu	x	x	x	
44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x	
47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	

49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	X
	B. HÔ HẤP				
55	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	x	x		
75	Cai máy thở	x	x	x	
76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	x	x	x	
77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
78	Mở khí quản	x	x	x	
79	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	x	x	x	
80	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	x	x	x	
81	Bơm rửa màng phổi	x	x	x	
82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	x	x	x	
83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	x	x	x	
84	Chọc thăm dò màng phổi	x	x	x	
85	Mở màng phổi tối thiểu	x	x	x	
86	Dẫn lưu màng phổi liên tục	x	x	x	
87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x	
88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x	
89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	
90	Khí dung thuốc thở máy	x	x	x	
91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	x	x	x	
92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	x	x	x	
93	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
96	Mở khí quản qua da cấp cứu	x	x	x	
98	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp	x	x	x	
100	Rút catheter khí quản	x	x	x	
101	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
104	Mở màng giáp nhĩ cấp cứu	x	x	x	X
105	Thổi ngạt	x	x	x	X
106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	X
107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	X
108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	X

109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	X
110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	X
111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	X
112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	X
113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	X
	C. THẬN – LỌC MÁU				
125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
128	Bài niệu cưỡng bức	x	x	x	
129	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
130	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
133	Thông tiểu	x	x	x	X
134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	X
	D. THẦN KINH				
137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
148	Chọc dịch tủy sống	x	x	x	
149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x	
150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	X
151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x	
152	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
	Đ. TIÊU HÓA				
155	Nội soi dạ dày cầm máu	x	x		
163	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x	
164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	
171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	
173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	x	x	x	
174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	x	x		
175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x	
176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng	x	x	x	
178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	X

179	Thụt tháo phân	x	x	x	X
180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	X
181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	x	x	x	X
	E. TOÀN THÂN				
185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x	
186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x		
187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh	x	x	x	
188	Siêu âm màu tại giường				
191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	
193	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	
194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	X
195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	X
196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	X
197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	X
198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	X
199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	X
200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	X
201	Cố định gậy	x	x	x	X
202	Băng bó vết thương	x	x	x	X
203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	X
204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	X
205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	X
206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	X
207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	X
208	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x	x	X
209	Truyền dịch vào tủy xương	x	x	x	
210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	X
	G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
242	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x	x	
250	Thang đánh giá tâm thần tối thiểu (MMSE)	x	x	x	
254	Thang đánh giá ấn tượng lâm sàng chung (CGI)	x	x	x	
255	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp	x	x	x	

257	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x	
258	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	x	x	x	
259	Xử trí người bệnh không ăn	x	x	x	
260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
261	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x	
262	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x	
263	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x	
264	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
266	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
267	Liệu pháp lao động	x	x	x	X
268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	X
269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	X
	III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
	A. KỸ THUẬT CHUNG				
281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x	
282	Xông hơi thuốc	x	x	x	X
283	Xông khói thuốc	x	x	x	X
284	Sắc thuốc thang	x	x	x	X
285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	X
286	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	X
287	Bó thuốc	x	x	x	X
288	Chườm ngải	x	x	x	X
289	Hào châm	x	x	x	X
291	Ôn châm	x	x	x	X
292	Chích lễ	x	x	x	X
293	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	X
	B. ĐIỆN MĂNG CHÂM				
295	Điện măng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
296	Điện măng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
298	Điện măng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
299	Điện măng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	x	x	x	
301	Điện măng châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	
304	Điện măng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
306	Điện măng châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
311	Điện măng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
312	Điện măng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x	x	x	

313	Điện mãng châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	
314	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
316	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
319	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
320	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
322	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
323	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
325	Điện mãng châm điều trị trĩ	x	x	x	
326	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
329	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
330	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	
331	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
333	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
338	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	x	x	x	
339	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	
340	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	x	x	x	
341	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	
343	Điện móng châm điều trị bí đại	x	x	x	
346	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
347	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
350	Điện mãng châm điều trị đau răng	x	x	x	
	C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
355	Điện nhĩ châm điều trị bại não	x	x	x	
357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	
359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
365	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	x	x	x	
366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	

370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	
384	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
397	Điện nhĩ châm điều trị bí đại	x	x	x	
398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	x	x	x	
403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
	D. CÂY CHỈ				
405	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
406	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
407	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
411	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	
412	Cây chỉ điều trị bại não	x	x	x	
413	Cây chỉ điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
417	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
418	Cây chỉ cai thuốc lá	x	x	x	
419	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	
420	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	x	x	x	
421	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
423	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
424	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
425	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
428	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
429	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
430	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	x	x	x	

431	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
432	Cây chỉ điều trị thất ngôn	x	x	x	
433	Cây chỉ điều trị viêm xoang	x	x	x	
434	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
435	Cây chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
436	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
437	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
440	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
441	Cây chỉ điều trị đau dạ dày	x	x	x	
442	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	x	x	x	
444	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
445	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	
446	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
448	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
449	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
451	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
452	Cây chỉ điều trị táo bón	x	x	x	
453	Cây chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
457	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
458	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
	D. ĐIỆN CHÂM				
461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	X
462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	X
464	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	X
465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	X
466	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	X
467	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	X
468	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	X
469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	X
470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	X
471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	X
473	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	X
474	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	X
476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	X

478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	X
479	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	X
481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	X
482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	X
483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	X
484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	X
485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	X
487	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	X
488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	X
489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	X
490	Điện châm điều trị lác	x	x	x	X
492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	X
498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	X
499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	x	x	x	X
501	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	X
504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	X
506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	X
509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	x	x	x	X
512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	X
513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
516	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	X
517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	X
518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	X
520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	X
521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	X
525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	X
526	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	X
527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	X
530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	X
531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	X
	E. THUY CHÂM				
532	Thủy châm điều trị liệt	x	x	x	X

533	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	X
535	Thủy châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	X
536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	X
537	Thủy châm điều trị teo cơ	x	x	x	X
538	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	X
540	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	X
549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	X
550	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	X
551	Thủy châm điều trị stress	x	x	x	X
555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	X
561	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
568	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
570	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	X
579	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	X
580	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	X
582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	X
583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	X
587	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	X
588	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	X
589	Thủy châm điều trị táo bón	x	x	x	X
590	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	X
591	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	X
592	Thủy châm điều trị đái dầm	x	x	x	X
593	Thủy châm điều trị bí đái	x	x	x	X
594	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	X
600	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
601	Thủy châm điều trị đau răng	x	x	x	X
602	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
	G. XOA BÓP BẮM HUYỆT				
603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	x	x	x	X
604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	X
606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	x	x	x	X
607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	X
608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	X

609	Xoa bóp bấm huyết điều trị bại não trẻ em	x	x	x	X
610	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	X
611	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	X
612	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng ngất	x	x	x	X
613	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	X
614	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	x	x	x	X
615	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	x	x	x	X
616	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	X
617	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	X
618	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	x	x	x	X
619	Xoa bóp bấm huyết cai thuốc lá	x	x	x	X
620	Xoa bóp bấm huyết điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	X
621	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	X
622	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	X
623	Xoa bóp bấm huyết điều trị động kinh	x	x	x	X
624	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	X
625	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	x	x	x	X
626	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress	x	x	x	X
627	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	X
628	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	X
629	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	X
630	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	X
631	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	x	x	x	X
632	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	X
633	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác	x	x	x	X
634	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	X
635	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
636	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	x	x	x	X
637	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	X
638	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	x	x	x	X
639	Xoa bóp bấm huyết điều trị tăng huyết áp	x	x	x	X
640	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
641	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau vùng ngực	x	x	x	X
642	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	X

643	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	X
644	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau dạ dày	x	x	x	X
645	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	x	x	x	X
646	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	X
647	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	X
648	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x	x	x	X
649	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau mắt cơ	x	x	x	X
650	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	X
651	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	X
652	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic	x	x	x	X
653	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	x	x	x	X
654	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	X
655	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	X
656	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	X
657	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	x	x	x	X
658	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	X
659	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	X
660	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đại	x	x	x	X
661	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	X
662	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	x	x	x	X
663	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	X
664	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
665	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
666	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
667	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau răng	x	x	x	X
668	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu	x	x	x	X
669	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng	x	x	x	X
670	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	x	x	x	X
	H. CỨU				
671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	X
672	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	x	x	x	X
673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	x	x	x	X
674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	X
675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	X
676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	X

677	Cứu điều trị liệt thể hàn	x	x	x	X
678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	X
679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	X
680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	X
681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x	x	x	X
682	Cứu điều trị bại não thể hàn	x	x	x	X
683	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	X
684	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x	x	x	X
685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	X
686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	X
687	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy thể hàn	x	x	x	X
688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	X
689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	X
690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x	x	x	X
691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x	x	x	X
692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	X
693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	X
694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	X
695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	X
696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	X
	IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
708	Siêu âm điều trị	x	x		
709	Điều trị bằng laser công suất thấp	x	x		
714	Kéo cột sống bằng máy	x	x		
744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	x	x		
745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	x	x		
772	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x	
785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	x	x	x	
787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	
788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x	
789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x	
790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x	
794	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN	x	x	x	

795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x	
796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	
797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x	
798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x	
799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	x	x	x	
800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x	
801	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x	
802	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x	
803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x	
806	Tập dưỡng sinh	x	x	x	X
807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	X
808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	X
809	Chườm lạnh	x	x	x	X
810	Chườm ngải cứu	x	x	x	X
811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	X
812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	X
813	Xoa bóp	x	x	x	X
814	Tập ho	x	x	x	X
815	Tập thở	x	x	x	X
816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	X
817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	X
818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	X
819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	X
820	Tập vận động chủ động	x	x	x	X
821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	X
822	Tập vận động thụ động	x	x	x	X
823	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	X
824	Đắp nóng	x	x	x	X
825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	X
828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	X
829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	X
830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	X
831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	x	x	x	X
832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần	x	x	x	X

	kinh giữa				
833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	X
834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	X
835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	x	x	x	X
836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	X
837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	X
838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	X
839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	X
840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	x	x	x	X
841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	X
842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	x	x	x	X
843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	X
844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	X
845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	X
846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	X
847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	X
848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi	x	x	x	X
849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi	x	x	x	X
850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	X
851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	X
852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay	x	x	x	X
853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân	x	x	x	X
854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	x	x	x	X
855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tủy sống	x	x	x	X
856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	x	x	x	X
857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	x	x	x	X
858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	X
859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	x	x	x	X
860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	x	x	x	X
861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	X
862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	X
863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	x	x	x	X

864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	X
865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	X
866	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	X
867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	X
868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	X
869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	X
870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	X
871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	X
872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	X
873	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bong	x	x	x	X
874	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vảy da	x	x	x	X
875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	X
876	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	X
877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	X
878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	x	x	x	X
879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	X
880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa	x	x	x	X
881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	X
884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	X
885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	X
886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	X
887	Xoa bóp	x	x	x	X
888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	X
889	Tập do cứng khớp	x	x	x	X
890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động	x	x	x	X
891	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	X
892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	X
893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	X
894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	X
895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	X
896	Tập vận động cột sống	x	x	x	X
897	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi.....)	x	x	x	X
898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	X

899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	X
900	Tập vận động tại giường	x	x	x	X
901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	X
902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	X
903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	X
904	Tập với xe lăn	x	x	x	X
905	Vật lý trị liệu chỉnh hình	x	x	x	X
906	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh	x	x	x	X
	B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
977	Khung tập đi	x	x	x	
978	Dụng cụ tập sắp ngửa cổ tay	x	x	x	
979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x	
980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x	
982	Xe đạp	x	x	x	
983	Nạng nách	x	x	x	X
984	Nạng khuỷu	x	x	x	X
985	Gậy tập	x	x	x	X
986	Nẹp khớp gối	x	x	x	X
987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	X
988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	X
	V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
	A. SỌ NÃO				
	B. TAI - MŨI - HỌNG				
994	Nội soi cầm máu mũi	x	x		
999	Nội soi mũi xoang	x	x		
1001	Nội soi tai	x	x	x	
1002	Nội soi mũi	x	x	x	
1003	Nội soi họng	x	x	x	
	C. THANH- PHẾ QUẢN				
	E. TIẾT NIỆU				
	G. KHỚP				
	VI. Y HỌC HẠT NHÂN				
	VII. GÂY MÊ HỒI SỨC				
1379	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x	
1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhân	x	x	x	
1390	Kỹ thuật sản sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	

1404	Thử nhóm máu trước truyền máu	x	x	x	
1405	Truyền dịch thường quy	x	x	x	
1406	Truyền máu thường quy	x	x	x	
1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	x	x	x	
1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
1458	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	
	VIII. BỔNG				
	A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỔNG				
1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x	
1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.	x	x	x	X
	B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
1655	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	x	x	x	
1663	Khâu da mi	x	x	x	
1664	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
1685	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
1690	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	
1691	Đốt lông xiêu	x	x	x	
1692	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	
1693	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	
1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	
1698	Rạch áp xe mi	x	x	x	
1699	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	
1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
1701	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x	
1702	Soi góc tiền phòng	x	x	x	
1703	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	X
1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	X
1706	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	X

1707	Khám mắt	x	x	x	X
	X. RĂNG HÀM MẮT				
	A. RĂNG				
1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
1809	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
1916	Nhổ răng thừa	x	x	x	
1917	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	
1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
1928	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
1937	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement (GIC) hóa trùng hợp	x	x	x	
1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
1943	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
1944	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
1950	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement (GIC)	x	x	x	X
1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	X
1953	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement (GIC)	x	x	x	X
1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC)	x	x	x	X
1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	X
1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	X
1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	X
1958	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	X
1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	X
1960	Chích áp xe lợi	x	x	x	X
1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	X
1962	Máng chống nghiêng răng	x	x	x	X
1963	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	X
1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	X

	B. HÀM MẶT				
2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
2069	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x	
2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
2073	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x	
2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	X
	XI. TAI MŨI HỌNG				
	A. TAI				
2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x	
2116	Thông vòi nhĩ	x	x	x	
2117	Lấy dị vật tai	x	x	x	
2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
2120	Làm thuốc tai	x	x	x	
2121	Chích rạch màng nhĩ	x	x		
2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	X
	B. MŨI XOANG				
2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x	
2149	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
2150	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	X
	C. HỌNG – THANH QUẢN				
2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x	
2176	áp lạnh Amidan	x	x	x	
2177	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi	x	x	x	
2178	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x	
2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	

2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
2186	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
2187	Rửa vòm họng	x	x	x	
2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngưng thở	x	x	x	
2189	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x	
2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	X
2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	X
	D. CỔ - MẮT				
2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê	x	x	x	
2241	Cắt Amidan bằng coblator	x	x	x	
2242	Nạo VA bằng coblator	x	x	x	
2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	
	XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH				
2257	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
2258	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
2262	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
2264	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
	XIII. NỘI KHOA				
	A. THẦN KINH				
	B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
2326	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
2329	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi	x	x	x	
2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
	C. TIÊU HÓA				
2344	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	x	x		
2352	Chọc áp xe gan qua siêu âm	x	x	x	
2354	Chọc dịch màng bụng	x	x	x	
2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x	
2356	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x	

2357	Thụt tháo phân	x	x	x	X
2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	X
2359	Nong hậu môn	x	x	x	
	D. THẬN- TIẾT NIỆU – LỘC MÁU				
	Đ. CỠ – XƯƠNG – KHỚP				
2367	Chọc dịch khớp	x	x		
	E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	X
2383	Test nội bì	x	x	x	X
2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	X
	G. TRUYỀN NHIỄM				
2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x	x	
	H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
2387	Tiêm trong da	x	x	x	X
2388	Tiêm dưới da	x	x	x	X
2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	X
2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	X
2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	X
	XIV. LAO (ngoại lao)	x	x	x	X
	XV. UNG BƯỚU- NHI				
	A. ĐẦU CỠ				
2456	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x	x	x	
2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
	B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG				
	C. HÀM – MẶT				
2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
	Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
	E. LÒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI				
	G. TIÊU HÓA – BỤNG				
	H. GAN – MẬT – TỤY				
	I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
	K. PHỤ KHOA				
2734	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	

	L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP				
2766	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
2767	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
2768	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
	M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU				
	XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
	A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ				
	B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				
	1. Trán				
	2. Mắt				
	3. Mất				
	4. Môi				
	5. Tai				
	6. Mũi				
	7. Bụng				
	8. Sinh dục				
	9. Các kỹ thuật chung				
	C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BỎNG				
	XVIII. DA LIỄU				
	A. NỘI KHOA DA LIỄU				
	B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
3031	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	
3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x	
3033	Nạo vét lỗ đào không viêm xương	x	x	x	
3034	Nạo vét lỗ đào có viêm xương	x	x	x	
	XIX. NGOẠI KHOA				
	A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	x	x	x	
3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x	
	B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC				
	1. Tim				
	2. Động, tĩnh mạch tim, phổi				
	4. Ngực - phổi				
3261	Khâu kín vết thương thủng ngực	x	x	x	
3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	X

	C. TIÊU HÓA – BỤNG				
	1. Thực quản				
	2. Dạ dày				
	3. Ruột non - ruột già				
	4. Hậu môn – trực tràng				
	5. Bẹn - Bụng				
3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x	
3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn	x	x	x	
3403	Khâu lại bực thành bụng đơn thuần	x	x	x	
3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	x	x	x	
3406	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x	x	
	D. GAN- MẬT – LÁCH – TUY				
	1. Gan				
	2. Mật				
	3. Lách - Tuy				
	Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
	1. Thận				
	2. Niệu quản				
	3. Bàng quang				
3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
3535	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	X
	4. Niệu đạo				
3550	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	x	x	x	
	5. Sinh dục				
3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	x	x	x	
3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	x	x	x	
3605	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
3606	Nong niệu đạo	x	x	x	
3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	x	x	x	
	E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
	1. Cột sống - Ngực				
3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	x	x	x	
	4. Bàn, ngón tay				
3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x	

3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	x	x	x	
3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x	x	
	5. Hông - Đùi				
	6. Khớp gối				
	7. Cẳng chân				
	8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				
3817	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x	
3819	Nội gân duỗi	x	x	x	
3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	x	x	x	
3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	X
3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	X
	10. Nắn - Bó bột				
3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x	
3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x	
3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x	
3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x	
3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	
3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x	
3860	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	x	x	x	
3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x	
3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x	
3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	

3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	
3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x	
3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	X
3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	X
3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	X
3876	Nắn, bó bột gãy xương các loại dưới C Arm	x	x	x	X
3877	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	X
	11. Các kỹ thuật khác				
3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x	
3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
3901	Rút đinh các loại	x	x	x	
3902	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x	
3903	Phẫu thuật viêm tẩy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x	
3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	X
3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	X
3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	X
	G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x	
	XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
	A. SỌ NÃO – ĐÀU – MẶT – CỔ				
	B. TAI – MŨI – HỌNG				
	C. LÒNG NGỰC – PHỔI – TIM MẠCH				
	D. BỤNG – TIÊU HÓA				
	Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
	1. Thận				
	3. Bàng quang				
	4. Sinh dục, niệu đạo				
	E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
	G. PHẪU THUẬT KHÁC				

IV. LAO (NGOẠI LAO)

V. DA LIỄU

VI. TÂM THẦN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT
----	-------------------	---------------------

1	2	3			
		A	B	C	D
	A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ				
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
	C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ				
	D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
45	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x	X
46	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x	X
48	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	x	x	x	X
49	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)	x	x	x	X
	Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN				
58	Liệu pháp thể dục, thể thao	x	x	x	X
59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x	X
60	Liệu pháp lao động	x	x	x	X
	E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
62	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	X
64	Xử trí trạng thái không ăn	x	x	x	
66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	x	x	x	
68	Cấp cứu tự sát	x	x	x	X
69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	X
70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	X
	G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	
74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	x	x	x	

VII. NỘI TIẾT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	1. Kỹ thuật chung				
220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	X
226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn	x	x	x	

	chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường				
230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	X
235	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTD (kiểm soát đường huyết kém) (danh từ tiểu phẫu cần ghi rõ)	x	x		
236	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTD (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x	
239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	X
240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	X
241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	X

* Ghi chú:

- Phẫu thuật các cơ quan khác ở người bệnh đái tháo đường kiểm soát đường huyết kém thì nâng 01 tuyến

- Phẫu thuật các cơ quan khác ở người bệnh đái tháo đường kiểm soát đường huyết tốt thực hiện theo phân tuyến các chuyên khoa khác

* Chú ý kỹ thuật: Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin cho người bệnh đái tháo đường

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. KỸ THUẬT CHUNG				
1	Mai hoa châm	x	x	x	X
2	Hào châm	x	x	x	X
3	Mãng châm	x	x	x	
4	Nhĩ châm	x	x	x	X
5	Điện châm	x	x	x	X
6	Thủy châm	x	x	x	X
8	Ôn châm	x	x	x	X
9	Cứu	x	x	x	X
10	Chích lễ	x	x	x	X
11	Laser châm	x	x	x	
12	Từ châm	x	x	x	X

13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
20	Xông hơi thuốc	x	x	x	X
21	Xông khói thuốc	x	x	x	X
22	Sắc thuốc thang	x	x	x	X
23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x	
26	Bỏ thuốc	x	x	x	X
27	Chườm ngải	x	x	x	X
28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	X
	B. CHÂM TÊ PHẪU THUẬT				
	C. ĐIỆN MĂNG CHÂM				
114	Điện măng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
115	Điện măng châm điều trị béo phì	x	x	x	
116	Điện măng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
117	Điện măng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	x	x	x	
118	Điện măng châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
119	Điện măng châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
120	Điện măng châm điều trị trĩ	x	x	x	
121	Điện măng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	x	x	x	
122	Điện măng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	x	x	x	
123	Điện măng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
124	Điện măng châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
125	Điện măng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
126	Điện măng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
127	Điện măng châm điều trị thống kinh	x	x	x	
128	Điện măng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
129	Điện măng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
130	Điện măng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
131	Điện măng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
132	Điện măng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
133	Điện măng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
134	Điện măng châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
135	Điện măng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	
136	Điện măng châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	

137	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	X	X	X	
138	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
139	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	
140	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
141	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
142	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
143	Điện mẫn châm điều trị đau hố mắt	X	X	X	
144	Điện mẫn châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	
145	Điện mẫn châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
146	Điện mẫn châm điều trị	X	X	X	
147	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	
148	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	
149	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	
150	Điện mẫn châm điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	
151	Điện mẫn châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	
152	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	
153	Điện mẫn châm điều trị đau răng	X	X	X	
154	Điện mẫn châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	X	X	X	
155	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	
156	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	X	X	X	
157	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	X	X	X	
158	Điện mẫn châm điều trị di tinh	X	X	X	
159	Điện mẫn châm điều trị liệt dương	X	X	X	
160	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
161	Điện mẫn châm điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	
	D. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	
163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	X	X	X	
165	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	X	X	X	
167	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	X	X	X	
168	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	
169	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	X	X	X	

171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	X	X	X	
172	Điện nhĩ châm điều trị nôn	X	X	X	
173	Điện nhĩ châm điều trị nấc	X	X	X	
174	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	X	X	X	
175	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	X	X	X	
176	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	X	X	X	
177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X	X	
178	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	X	X	X	
179	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	X	X	X	
180	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
181	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
182	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	
183	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	X	X	X	
184	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận	X	X	X	
185	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	X	X	X	
186	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	X	X	X	
187	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	X	X	X	
188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
189	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	
190	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	X	X	X	
191	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	X	X	X	
192	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	
193	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	X	X	X	
194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	X	X	X	
195	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X	X	
197	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
198	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	
199	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
200	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	X	X	X	
202	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	
203	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	X	X	X	
204	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	
205	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn	X	X	X	

	cấp				
206	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
207	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	
208	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
210	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
213	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
214	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	x	x	x	
215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x	
220	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh	x	x	x	
222	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	
223	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
224	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
225	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	
226	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	
	Đ. CÂY CHỈ				
228	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
229	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
230	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
231	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
232	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	
233	Cây chỉ điều trị mày đay	x	x	x	
234	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vảy nến	x	x	x	
235	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
236	Cây chỉ điều trị giảm thị lực	x	x	x	
237	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	x	x	x	
238	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
239	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
240	Cây chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	

241	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	X	X	X	
242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
243	Cây chỉ điều trị mất ngủ	X	X	X	
244	Cây chỉ điều trị nấc	X	X	X	
245	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	
246	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
247	Cây chỉ điều trị hen phế quản	X	X	X	
248	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	
250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	
251	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	
252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	X	X	X	
253	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
255	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
256	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	X	X	X	
257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	X	X	X	
258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
260	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	X	X	X	
261	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	X	X	X	
262	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	
263	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	
264	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	
265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	
266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	
267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X	X	
268	Cây chỉ điều trị đau lưng	X	X	X	
269	Cây chỉ điều trị đái dầm	X	X	X	
270	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	X	X	X	
271	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	
272	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	X	X	X	
273	Cây chỉ điều trị sa tử cung	X	X	X	
274	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	
275	Cây chỉ điều trị di tinh	X	X	X	
276	Cây chỉ điều trị liệt dương	X	X	X	
277	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	X	X	X	
	E. ĐIỆN CHÂM				

278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	X
281	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	X
282	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	X
283	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	X
284	Điện châm điều trị trĩ	x	x	x	X
285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	X
286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x	x	x	X
287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	X
288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	X
289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	X
290	Điện châm điều trị cơn đau quận thận	x	x	x	X
291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	X
292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	X
293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	X
294	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	X
295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	X
296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	X
298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	X
299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	X
300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	X
301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
302	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	X
303	Điện châm điều trị đau hồ mắt	x	x	x	X
304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	X
305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	X
306	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	X
307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	X
308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	X
309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	X
310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	X
311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	X

312	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	X
313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	X
314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	X
315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	X
316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	X
317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	X
318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	X
320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	X
321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	X
	G. THỦY CHÂM				
322	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	x	x	x	X
323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
324	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	X
325	Thủy châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
326	Thủy châm điều trị nấc	x	x	x	X
327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	X
328	Thủy châm điều trị viêm amydan	x	x	x	X
329	Thủy châm điều trị béo phì	x	x	x	X
330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	X
331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x	x	x	X
332	Thủy châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
333	Thủy châm điều trị trĩ	x	x	x	
334	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	
335	Thủy châm điều trị mày đay	x	x	x	X
336	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x	x	x	X
337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
338	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	X
339	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	X
341	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
342	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
343	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
345	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	

346	Thủy châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	X
348	Thủy châm điều trị thống kinh	x	x	x	X
349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	X
350	Thủy châm điều trị đái dầm	x	x	x	X
351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
352	Thủy châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	X
353	Thủy châm điều trị hen phế quản	X	x	x	X
354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	X
356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	X
357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	X
358	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
359	Thủy châm điều trị đau dây V	x	x	x	
360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
363	Thủy châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
365	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	X
367	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	X
368	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	X
369	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	X
370	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	X
371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	X
372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	X
373	Thủy châm điều trị đau răng	x	x	x	X
374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	X
375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	X
376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	X
377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	X
378	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	X
379	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	
380	Thủy châm điều trị đau hồ mắt	x	x	x	
381	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	

382	Thủy châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	
383	Thủy châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
384	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
385	Thủy châm điều trị di tinh	x	x	x	
386	Thủy châm điều trị liệt dương	x	x	x	
387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	X
	H. XOA BÓP BẨM HUYỆT				
389	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	x	x	x	X
390	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	x	x	x	X
391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	X
392	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	X
393	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	x	x	x	X
394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	X
395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	X
396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	X
397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	X
398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	x	x	x	X
399	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
400	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	x	x	x	X
401	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứ giác	x	x	x	X
402	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	X
403	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	X
404	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	X
405	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	X
406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	X
407	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	X
408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	X
409	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	x	x	x	X
410	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	x	x	x	X
411	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	X
412	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	X
413	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	X

414	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	X
415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	x	x	x	X
416	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	X
417	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	x	x	x	X
418	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực	x	x	x	X
419	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	X
420	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	x	x	x	X
421	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	X
422	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	x	x	x	X
423	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	X
424	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	x	x	x	X
425	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	X
426	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	X
427	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	x	x	x	X
428	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	X
429	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	X
430	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x	x	x	X
431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	X
432	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	X
433	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	X
434	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	X
435	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	x	x	x	X
436	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	X
437	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh	x	x	x	X
438	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	X
439	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	x	x	x	X
440	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	X
441	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	X
442	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	X
443	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
444	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	x	x	x	X
445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	X
446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X

447	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
448	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
449	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	x	x	x	X
450	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng phân ly	x	x	x	
	I. CỨU				
451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	X
452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	X
453	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	X
454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	X
455	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	x	x	x	X
456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	X
457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	X
458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	X
459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	X
460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	X
461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	X
462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	X
463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	X
464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	X
465	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	X
466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	X
467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x	x	x	X
468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	X
469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	X
470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	X
471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	X
472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	X
473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	X
474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	X
475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	X
476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	X
477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	X
478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x	x	x	X
	K. GIÁC HƠI	x	x	x	X
479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	X
480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	X

481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	X
482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	X

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. CÁC KỸ THUẬT				
2	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x	x	x	
3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x	x	x	
4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	x	x	x	
6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x	x	
12	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x	
13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x	
16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x	
17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x	
19	Chọc tủy sống đường bên	x	x	x	
20	Chọc tủy sống đường giữa	x	x	x	
21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x	
32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	x	x	x	
33	Đặt mát thanh quản Fastract	x	x	x	
37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x	
38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x	
40	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).	x	x	x	
42	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x	x	x	
43	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x	x	x	
45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x	
46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	

62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	X	X	X	
63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	X	X	X	
64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	X	X	X	
67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	X	X	X	
68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	X	X	X	
69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	X	X	X	
72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	X	X	X	
73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	X	X	X	
74	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	X	X	X	
75	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	X	X	X	
76	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	X	X	X	
77	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	X	X	X	
78	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	X	X	X	
86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	X	X	X	
87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	X	X	X	
94	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai	X	X	X	
95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	X	X	X	
96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	X	X	X	
97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	X	X	X	
99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	X	X	X	
102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	X	X	X	
113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	X	X	X	
114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	X	X	X	
115	Hạ thân nhiệt chủ huy	X	X		
116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	X	X	X	
117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	X	X	X	
118	Hút dẫn lưu ngực	X	X	X	
119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	X	X	X	
120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	X	X	X	
123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	X	X	X	
127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	X	X	X	
133	Lưu kim lườn tĩnh mạch để tiêm thuốc	X	X	X	

134	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng	X	X	X	
136	Mở khí quản	X	X	X	
141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	X	X	X	
142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	X	X	X	
146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	X	X	X	
147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	X	X	X	
148	Rửa tay phẫu thuật	X	X	X	
149	Rửa tay sát khuẩn	X	X	X	
150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	X	X	X	
151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X	X	
158	Theo dõi dẫn cơ bằng máy	X	X	X	
159	Theo dõi độ mê bằng BIS	X	X	X	
160	Theo dõi độ mê bằng đo stress phẫu thuật	X	X	X	
161	Theo dõi độ mê bằng ENTROPY	X	X	X	
165	Theo dõi EtCO ₂	X	X	X	
166	Theo dõi Hb tại chỗ	X	X	X	
167	Theo dõi Hct tại chỗ	X	X	X	
168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	X	X	X	
169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	X	X	X	
172	Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản	X	X	X	
173	Theo dõi SpO ₂	X	X	X	
175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	X	X	X	
176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	X	X	X	
177	Thở CPAP không qua máy thở	X	X	X	
182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	X	X	X	
183	Thở oxy gọng kính	X	X	X	
184	Thở oxy qua mặt nạ	X	X	X	
185	Thở oxy qua mũi kín	X	X	X	
186	Thở oxy qua ống chữ T	X	X	X	
188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	X	X	X	
192	Thường qui đặt nội khí quản khó	X	X	X	
195	Truyền dịch thường qui	X	X	X	
196	Truyền dịch trong sốc	X	X	X	
197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	X	X	X	

199	Truyền máu trong sốc	X	X	X	
200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	X	X	X	
201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	X	X	X	
202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	X	X	X	
203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	X	X	X	
204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	X	X	X	
205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	X	X	X	
	B. GÂY MÊ				
209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	X	X	X	
269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	X	X	X	
286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	X	X	X	
287	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	X	X	X	
322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X	X	
330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	X	X	X	
333	Gây mê phẫu thuật cắt chắp có bọc	X	X	X	
364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X	X	
365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X	X	
369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	X	X	X	
371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	X	X	X	
378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	X	X	X	
379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	X	X	X	
380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	X	X	X	
381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	X	X	X	
427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	X	X	X	
450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	X	X	X	
496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	X	X	X	
503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	X	X	X	
526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	X	X	X	
528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	X	X	X	

560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	X	X	X	
561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	X	X	X	
563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	X	X	X	
564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	X	X	X	
633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	X	X	X	
728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	X	X	X	
778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	X	X	X	
788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	X	X	X	
791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	X	X	X	
840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	X	X		
847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	X	X	X	
923	Gây mê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	X	X	X	
928	Gây mê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	X	X	X	
929	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân	X			
930	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	X	X	X	
932	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	X	X	X	
934	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	X	X	X	
935	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay	X	X	X	
936	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	X	X	X	
937	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	X	X	X	
938	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	X	X	X	
940	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	X	X	X	
941	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	X	X	X	
942	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	X	X	X	
943	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	X	X	X	
944	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	X	X	X	
945	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	X	X	X	
946	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	X	X	X	
949	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	X	X	X	
951	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	X	X	X	

952	Gây mê phẫu thuật KHX gây lòi cầu ngoài xương đùi	x	x	x	
953	Gây mê phẫu thuật KHX gây lòi cầu trong xương đùi	x	x	x	
954	Gây mê phẫu thuật KHX gây lòi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x	
956	Gây mê phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	x	x	x	
958	Gây mê phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	x	x	x	
959	Gây mê phẫu thuật KHX gây mất cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x	
960	Gây mê phẫu thuật KHX gây mất cá ngoài	x	x	x	
961	Gây mê phẫu thuật KHX gây mất cá trong	x	x	x	
962	Gây mê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	x	x	x	
963	Gây mê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	x	x	x	
975	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	x	x	x	
976	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	x	x	x	
978	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	x	x	x	
979	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	x	x	x	
981	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x	
982	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x	x	
987	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	x	x	x	
993	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lòi cầu xương cánh tay	x	x	x	
999	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x	
1000	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
1001	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x	
1003	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	x	x	x	
1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
1117	Gây mê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
1627	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1704	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1705	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	

1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chấp có bọc	X	X	X	
1784	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X	X	
1785	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X	X	
1786	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X	X	
1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	X	X	X	
1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	X	X	X	
1796	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	X	X	X	
1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	X	X	X	
1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	X	X	X	
1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	X	X	X	
1868	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	X	X	X	
1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	X	X	X	
1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	X	X	X	
1944	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	X	X	X	
1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	X	X	X	
1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	X	X	X	
1980	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	X	X	X	
1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	X	X	X	
1982	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	X	X	X	
2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	X	X	X	
2071	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	X	X	X	
2206	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	X	X	X	
2209	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	X	X	X	
2265	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	X	X	X	
2513	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	X	X	X	
2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	X	X	X	
3089	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	X	X	X	
3106	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	X	X	X	
3107	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người	X	X	X	

	lớn và trẻ em trên 6 tuổi				
3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
3153	Gây tê phẫu thuật cắt chấp có bọc	x	x	x	
3185	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
3186	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
3187	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
3188	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
3200	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x	
3316	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
3346	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
3383	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
3384	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
3453	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x	
3473	Gây tê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
3743	Gây tê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	

3744	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x	
3745	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x	
3746	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x	
3748	Gây tê phẫu thuật KHX gây chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
3750	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x	
3752	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ xương đùi	x	x	x	
3755	Gây tê phẫu thuật KHX gây đài quay	x	x	x	
3756	Gây tê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x	
3757	Gây tê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương quay	x	x	x	
3758	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x	
3759	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3760	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x	
3761	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x	
3762	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3763	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3764	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3765	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3766	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3769	Gây tê phẫu thuật KHX gây liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3772	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x	
3776	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	x	x	x	
3777	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	x	x	x	
3778	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	x	x	x	
3779	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x	
3780	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá ngoài	x	x	x	
3781	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá trong	x	x	x	
3782	Gây tê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	x	x	x	
3783	Gây tê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	x	x	x	
3786	Gây tê phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x	
3788	Gây tê phẫu thuật KHX gây ổ cối đơn thuần	x	x	x	
3793	Gây tê phẫu thuật KHX gây ròng rọc xương cánh tay	x	x	x	

3795	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	x	x	x	
3796	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	x	x	x	
3797	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
3798	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	x	x	x	
3799	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	x	x	x	
3802	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x	x	
3804	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	x	x	x	
3805	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay	x	x	x	
3806	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	x	x	x	
3807	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	x	x	x	
3810	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật xương gót	x	x	x	
3811	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật xương sên	x	x	x	
3813	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3814	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3815	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3817	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	x	x	x	X
3819	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x	
3820	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
3821	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x	
3822	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương gót	x	x	x	
3883	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
3953	Gây tê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
	Đ. AN THẦN				
4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	
4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	x	x	x	
4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x	
4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x	

X. NGOẠI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
	B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				

	1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
164	Cổ định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	X
	2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu				
172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	X
	6. Lồng ngực				
278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x	
	C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
	1. Thận				
	2. Niệu quản				
	3. Bàng quang				
353	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	x	x	x	
354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x	
356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x	
	4. Niệu đạo				
	5. Sinh dục				
405	Nong niệu đạo	x	x	x	
410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	X
412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	X
	D. TIÊU HÓA				
	1. Thực quản				
	2. Dạ dày				
	3. Tá tràng				
	4. Ruột non- Mạc treo				
	5. Ruột thừa- Đại tràng				
	6. Trực tràng				
526	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x	
	7. Tầng sinh môn				
555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x	
573	Các phẫu thuật hậu môn khác	x	x	x	
	Đ. GAN - MẬT - TỤY				
	1. Gan				
	2. Mật				
	3. Tụy				
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC				

	1. Thành bụng - cơ hoành				
697	Phẫu thuật cắt u thành bụng	x	x	x	
698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x	
699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	
	2. Phúc mạc				
	G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
	1. Vùng vai-xương đòn				
719	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x	
720	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x		
722	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x		
	2. Vùng cánh tay				
725	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x		
729	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x		
730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
731	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
	3. Vùng cẳng tay				
734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x		
737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x		
739	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x		
740	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x		
743	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
	4. Vùng bàn tay				
745	Phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay	x			
746	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x			
747	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x			
749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x		
750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x		
751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x		
752	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cổ (Vùng II)	x			
	5. Vùng chấu				
	6. Vùng đùi				
765	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x		
766	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x		

767	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x		
768	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x		
	7. Khớp gối				
772	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	x	x		
773	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x		
	8. Vùng cẳng chân				
775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x		
776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x		
779	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x		
780	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x		
781	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x		
782	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x			
783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	x			
784	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x		
785	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x		
786	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x		
	9. Vùng gót chân-bàn chân				
788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	x			
791	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x			
792	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x			
	10. Gãy xương hở				
793	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	x	x		
794	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	x	x		
798	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x		
799	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x		
801	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	x	x		
	11. Tổn thương phần mềm				
807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
808	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	x	x		
809	Phẫu thuật vết thương bàn tay	x	x		
810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x		
	12. Vùng cổ tay-bàn tay				
815	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x		
817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x		

819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x		
832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
839	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	x	x		
840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x		
842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x	x		
843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x		
851	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	x	x		
859	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	x			
860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
861	Thương tích bàn tay phức tạp	x	x		
862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
863	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	x	x		
	13. Vùng cổ chân-bàn chân				
865	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	x	x		
868	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	x			
870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x		
871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	x	x		
874	Cột chấn thương cổ và bàn chân	x	x		
875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x		
876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x		
877	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	x	x		
878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x		
879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	x	x		
880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	x	x		
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x			
884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x			
885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	x	x		
900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x		

	15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x		
909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
913	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x		
914	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x		
915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x		
917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x		
918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	x	x		
920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x		
921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x		
926	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	x			
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
934	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	
943	Phẫu thuật tháo khớp chi	x	x		
944	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	x	x		
947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x		
953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	x	x		
954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
955	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	x	x		
959	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	x	x		
960	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm ²	x	x		
961	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²	x	x		
963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	x	x		
964	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	x	x		
965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	x	x		
967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x			
970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	x	x		
972	Phẫu thuật U máu	x			
973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	x			
974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	x			
977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²	x	x		
978	Phẫu thuật vá da mỏng	x	x		
979	Phẫu thuật viêm xương	x	x		
980	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	x	x		

982	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay	x			
983	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x		
984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	x	x	x	
	17. Nắn- Bó bột				
989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x		
998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x		
999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x		
1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x		
1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x		
1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x		
1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay(cẳng tay)	x	x		
1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay(cẳng tay)	x	x		
1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay(cẳng tay)	x	x		
1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x		
1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x	x		
1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x		
1010	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x		
1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x		
1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x		
1016	Nắn, bó bột gãy lõi cầu xương đùi	x	x		
1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x		
1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x		
1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x		
1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x		
1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x		
1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x		
1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x		
1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x		
1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x		
1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x		
1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x		
1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x		
1032	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x		
	H. CỘT SỐNG				

	1. Cột sống cổ				
	2. Cột sống ngực				
	3. Cột sống thắt lưng				
	4. Các phẫu thuật ít xâm lấn				
	I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				

XI. BÔNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
	1. Thay băng bông				
4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	X
9	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	x	x	x	X
	2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông				
15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	x	x	x	
16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu	x	x	x	x
19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
	3. Các kỹ thuật khác				
77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng	x	x	x	X
79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt	x	x	x	X
80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông	x	x	x	X
81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	x	x	x	X

82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	X
83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	X
84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x	
85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	
86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x	
87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x	
89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	X
90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
	B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG				
102	Khám di chứng bỏng	x	x	x	
	C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
	D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG				
122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
123	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x	
131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	x	x	x	

XII. UNG BƯỚU

XIII. PHỤ SẢN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SẢN KHOA				
7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x	
8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x	x	
12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x	
13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x	
18	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x	

21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	X	X	X	
22	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	X	X	X	
23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	X	X	X	
24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	X	X	X	
25	Nội xoay thai	X	X	X	
26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	X	X	X	
27	Forceps	X	X	X	
28	Giác hút	X	X	X	
29	Soi ối	X	X	X	
30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	X	X	X	
31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí bằng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	X	X	X	
32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	X	X	X	
33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	X	X	X	X
34	Cắt và khâu tầng sinh môn	X	X	X	X
35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	X	X	X	X
36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	X	X	X	X
37	Kiểm soát tử cung	X	X	X	X
38	Bóc rau nhân tạo	X	X	X	X
39	Kỹ thuật bấm ối	X	X	X	X
40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	X	X	X	X
41	Khám thai	X	X	X	X
48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	X	X	X	
49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	X	X	X	
50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	X	X	X	
51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	X	X	X	
52	Khâu vòng cổ tử cung	X	X	X	
53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	X	X	X	
54	Chích áp xe tầng sinh môn	X	X	X	
	B. PHỤ KHOA				
70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	X	X	X	
71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	X	X	X	
72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	X	X	X	
91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	X	X	X	
92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	X	X	X	
93	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	X	X	X	

136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x	
143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x	
144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
150	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	x	x	x	
151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x	
155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh môn	x	x	x	
156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x	
157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	
158	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
160	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
162	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng	x	x	x	
163	Chích áp xe vú	x	x	x	
165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
175	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
	C. SƠ SINH				
185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x	
189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x	
192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x	
194	Ep tim ngoài lồng ngực	x	x	x	
196	Khám sơ sinh	x	x	x	x
197	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x
198	Tắm sơ sinh	x	x	x	x
199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	X
200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	X

201	Hồi sức sơ sinh ngay sau sinh	x	x	x	X
202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	X
	D. HỖ TRỢ SINH SẢN				
	Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	X
	E. PHÁ THAI				
238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	
239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	X

Những kỹ thuật có dấu (*) chỉ định chuyển tuyến.

XIV. MẮT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
161.	Tập nhược thị	x	x	x	
167.	Cắt bỏ chớp có bọc	x	x	x	
171.	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
172.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
174.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
200.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	X
203.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	X
207.	Chích chớp, lệ, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	X
208.	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	X
209.	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	X
210.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	X
211.	Rửa cùng đồ	x	x	x	X
212.	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	X
215.	Rạch áp xe mi	x	x	x	
218.	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	X
223.	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	X

	Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
260.	Đo thị lực	x	x	x	X

XV. TAI - MŨI - HỌNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. TAI - TAI THẦN KINH				
45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai	x	x	x	
46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
53	Phẫu thuật nạo vết sụn vành tai	x	x	x	
54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x	
55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	X
57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	X
58	Làm thuốc tai	x	x	x	X
59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	X
	B. MŨI-XOANG				
134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x	
138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	X
146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	X
147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	X
	C. HỌNG-THANH QUẢN				
206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	X
213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	

219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
220	Thay canuyn	x	x	x	
221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	X
222	Khí dung mũi họng	x	x	x	X
223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	
233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	
234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
	D. ĐẦU CỔ				
301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	X
302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	X
303	Thay băng vết mổ	x	x	x	X
304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	X
	Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. RĂNG				
35.	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
41.	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
42.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
43.	Lấy cao răng	x	x	x	x
57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	

58.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	X
72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
136.	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	X
137.	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
138.	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
139.	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	X
142.	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	X
197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
200.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
201.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
202.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x		
203.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
206.	Nhổ răng thừa	x	x	x	
213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
228.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
231.	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
232.	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
238.	Nhổ răng sữa	x	x	x	X
239.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	X
240.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	X
241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	X
	B. HÀM MẶT				
294.	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
296.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
298.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
299.	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	

300.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
301.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	X
334.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
335.	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
336.	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
337.	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x	x	
340.	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
4	Điều trị bằng từ trường	x	x		
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	X
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	X
15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	X
16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	X
17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	X
18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	X
26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
	B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	X
32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	X
33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	X

34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	X
35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	X
36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	X
37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	X
38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	X
39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	X
40	Tập dáng đi	x	x	x	X
41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	X
42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	X
43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	X
44	Tập đi với gậy	x	x	x	X
45	Tập đi với bàn xương cá	x	x	x	X
46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	X
47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	X
48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	X
49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	X
50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	X
51	Tập đi với khung treo	x	x	x	X
52	Tập vận động thụ động	x	x	x	X
53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	X
54	Tập vận động chủ động	x	x	x	X
55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	X
56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	X
57	Tập kéo dẫn	x	x	x	X
58	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
59	Tập trong bồn bóng nhỏ	x	x	x	
63	Tập với thang tường	x	x	x	X
65	Tập với ròng rọc	x	x	x	X
66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	X
70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	X
71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	X
72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	X
73	Tập các kiểu thở	x	x	x	X
74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	X
75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	X
76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	X

77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	X
79	Kỹ thuật di động khớp	x	x		
80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x		
82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	X
83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	X
84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	X
85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	X
86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	X
89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	X
90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	X
91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	X
	C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	X
93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	X
94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	X
95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	X
96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	X
97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	X
98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	X
99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	X
100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	X
101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	X
102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	X
103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	X
	D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
104	Tập nuốt	x	x	x	X
105	Tập nói	x	x	x	X
106	Tập nhai	x	x	x	X
107	Tập phát âm	x	x	x	X
108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	X
109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	X

110	Tập luyện giọng	x	x	x	X
111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	X
	Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	X
113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	X
114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	X
115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	X
116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	X
117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	X
118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	X
119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	X
120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	X
121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
122	Thử cơ bằng tay	x	x	x	
123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	X
127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	X
133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	x	x	x	X
134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	x	x	x	X
136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	x	x	x	
139	Kỹ thuật băng chun môm cụt chi trên	x	x	x	X
140	Kỹ thuật băng chun môm cụt chi dưới	x	x	x	X
	E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	X
142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	X
143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	X
144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	X
145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	X
146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	X
147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	X
148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	X
149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	X

150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	X
151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	X
152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	X
153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	X
154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	X
155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	X
156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	X

XVIII. ĐIỆN QUANG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
	3. Siêu âm ổ bụng				
15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
	4. Siêu âm sản phụ khoa				
30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
	5. Siêu âm cơ xương khớp				
43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
	6. Siêu âm tim, mạch máu				
	7. Siêu âm vú				
54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
	8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
	9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt				
	B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
	1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				

67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	X
68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	X
69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	X
70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	X
71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	X
73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	X
74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	X
77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	X
87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	X
91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	X
92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	X
93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	X
94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	x	x	x	
95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	
98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	X
99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	x	x	X
100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	X
101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch	x	x	x	
102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	X
103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	X
104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch	x	x	x	X
105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	X
106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	X

107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	X
108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	X
109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	X
110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	X
112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	X
113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	X
115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	X
116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	X
117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	X
118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		
119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	X
120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	X
121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	X
124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	X
125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	X

XIX. Y HỌC HẠT NHÂN

XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SỌ NÃO				
	B. TAI - MŨI - HỌNG				
7	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x	x	
13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	
	C. KHÍ- PHẾ QUẢN				
	D. LỒNG NGỰC- PHỔI				
	Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	

	E. TIẾT NIỆU				
	G. KHỚP				
	H. PHỤ SÁN				

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. TIM, MẠCH				
4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x	x	x	X
13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	X
14	Điện tim thường	x	x	x	X
	B. HÔ HẤP				
	C. THẦN KINH, TÂM THẦN				
	D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU				
	Đ. TAI MŨI HỌNG				
	E. MẮT				
92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	X
93	Đo thị lực	x	x	x	X
	G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ	x	x	x	X
105	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	X
	H. NỘI TIẾT				
118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	x	x	x	
122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	x	x	x	

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	

3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x	x	x	
4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	X
5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x	
7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x	x	
8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x	
9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x	
10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x	x	
11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x	
16	Nghiệm pháp Protamin sulfat	x	x	x	
17	Nghiệm pháp Von-Kaulla	x	x	x	
18	Thời gian tiêu Euglobulin	x	x	x	
19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	X
20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	X
21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	X
22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	X
78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x	x	x	
	B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
92	Đo huyết sắc tố niệu	x	x	x	
117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
	C. TẾ BÀO HỌC				

118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	X
119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	X
120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	x	x	x	
138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	X
139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	X
151	Cận Addis	x	x	x	
152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x	x	x	
153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	x	x	x	
160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	
161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x	x	x	
162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
	D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
274	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	

283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	X	X	X	
284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	X	X	X	
285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X	X	
286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X	X	
287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X	X	
288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X	X	
289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	X	X		
290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	X	X		
291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	X	X	X	
292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	X	X	X	
	Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
348	Xét nghiệm Đường-Ham	X	X	X	
352	Điện di huyết sắc tố	X	X	X	
	E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC				
	G. TRUYỀN MÁU				
456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	X	X		
457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	X	X	X	
458	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	X	X		
459	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hóa phát quang	X	X		
461	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	X	X		
462	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật RPR	X	X		
466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	X	X	X	X
	H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
499	Rút máu để điều trị	X	X	X	
501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại)	X	X	X	

	trú)				
502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
	I. TẾ BÀO GỐC				

XXIII. HÓA SINH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. MÁU				
3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
7	Định lượng Albumin	x	x	x	
10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x	
41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
75	Định lượng Glucose	x	x	x	
83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
166	Định lượng Urê	x	x	x	
	B. NƯỚC TIỂU				
173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	X
175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	X

180	Định lượng Canxi	x	x	x	
184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
185	Định lượng Dưỡng chấp	x	x	x	
186	Định tính Dưỡng chấp	x	x	x	
187	Định lượng Glucose	x	x	x	
188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	X
193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	X
194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	X
195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	X
196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	X
201	Định lượng Protein	x	x	x	
202	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	X
205	Định lượng Ure	x	x	x	
206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	X
	C. DỊCH NÃO TUỖ				
208	Định lượng Glucose	x	x	x	
210	Định lượng Protein	x	x	x	
	D. THỦY DỊCH MẮT				
	E. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)				
214	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
215	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
216	Định lượng Creatinin	x	x	x	
217	Định lượng Glucose	x	x	x	
219	Định lượng Protein	x	x	x	
220	Phản ứng Rivalta	x	x	x	
221	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	x	x	x	
223	Định lượng Ure	x	x	x	

XXIV. VI SINH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. VI KHUẨN				
	1. Vi khuẩn chung				

1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	X
2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	X
16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	X
	2. Mycobacteria				
17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	X
18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	x	x	x	
21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x	x	x	X
28	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert	x	x	x	
39	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi	x	x	x	
	3. <i>Vibrio cholerae</i>				
42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x	x	X
43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x	x	x	X
	4. <i>Neisseria gonorrhoeae</i>				
49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	X
	5. <i>Neisseria meningitidis</i>				
56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x	x	X
	6. Các vi khuẩn khác				
60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	X
73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x	x	x	X
74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x	x	x	X
80	<i>Leptospira</i> test nhanh	x	x	x	X
85	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh	x	x	x	X
93	<i>Salmonella</i> Widal	x	x	x	
94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x	x	x	X
95	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi	x	x	x	X
96	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi	x	x	x	
98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	X
	B. VIRUS				
	1. Virus chung				
108	Virus test nhanh	x	x	x	X
	2. Hepatitis virus				
117	HBsAg test nhanh	x	x	x	X
122	HBsAb test nhanh	x	x	x	X
127	HBcAb test nhanh	x	x	x	X
130	HBeAg test nhanh	x	x	x	X
133	HBeAb test nhanh	x	x	x	X

144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	X
155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	X
163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	X
164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	X
169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	X
170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	X
171	HIV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x	
	4. Dengue virus				
183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	X
184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	X
185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	X
187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	X
	5. Herpesviridae				
	6. Enterovirus				
225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	X
	7. Các virus khác				
243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	X
249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	X
254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	X
	C. KÝ SINH TRÙNG				
	1. Ký sinh trùng trong phân				
263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	X
264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	X
265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	X
266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	X
267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	X
268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	X
269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	X
284	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	X
289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	X
291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	X
	3. Ký sinh trùng ngoài da				
305	<i>Demodex</i> soi tươi	x	x	x	X
306	<i>Demodex</i> nhuộm soi	x	x	x	

307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	x	x	x	X
308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	x	x	x	
309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	x	x	x	X
310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	x	x	x	
	4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác				
311	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	x	x	x	
314	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh	x	x	x	
317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	x	x	x	X
318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	x	x	x	
	D. VI NẤM				
319	Vì nấm soi tươi	x	x	x	X
320	Vì nấm test nhanh	x	x	x	X
321	Vì nấm nhuộm soi	x	x	x	
	Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
329	Vì sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x	
330	Vì sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x	
331	Vì sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x	
332	Vì sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x	
333	Vì sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x	
336	Vì khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x	

XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	X
13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x	x	x	X
15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x	x	x	X
76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	X

XXVI. VI PHẪU

XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI

XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ
----	-------------------	---------------

1	2	THUẬT			
		3			
		A	B	C	D
	A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
	1. Vùng xương sọ- da đầu				
1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	X
2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	X
9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x	
33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	X
34	Khâu da mi	x	x	x	
35	Khâu phục hồi bờ mi	x	x		
36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	X
	3. Vùng mũi				
83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
	4. Vùng môi				
110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
	5. Vùng tai				
136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	X
137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	X
159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
	6. Vùng hàm mặt cổ				
161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	X
	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu	x	x	x	X
162	hông tổ chức				
163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	X
	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có	x	x	x	
164	thiếu hồng tổ chức				
167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	x	x	x	
197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x	
230	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt	x	x		
	B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
280	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	x	x		
	C. TẠO HÌNH VÙNG CƠ QUAN SINH DỤC NGOÀI				
	D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với	x	x		

	Kirschner hoặc nẹp vít				
336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x	x	
337	Nối gân gấp	x	x	x	
340	Nối gân duỗi	x	x	x	
352	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
	Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				
403	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	x	x		
404	Cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x		
	E. THẨM MỸ				